

QUYẾT ĐỊNH

**Điều kiện và mức học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I, năm học 2021 - 2022
cho sinh viên Đại học chính quy khóa 72; Đại học văn bằng hai khóa 12**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT/QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế: tách Trường Đại học Y dược thành 2 trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa;

Căn cứ “Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy” ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 và “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” theo văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-DHN ngày 30/10/2021 của Trường Đại học Dược Hà Nội về việc quy định mức thu học phí đối với sinh viên đại học năm học 2021-2022;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét học bổng, học phí, trợ cấp khó khăn ngày 26/7/2022;

Theo đề nghị của Phụ trách phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các sinh viên được cấp học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT) Học kỳ I, năm học 2021-2022 là các sinh viên đại học hệ chính quy (ĐH) khóa 72; đại học văn bằng hai khóa 12 có điểm rèn luyện từ mức khá trở lên, không vi phạm kỷ luật trong Học kỳ I, năm học 2021-2022 và không còn học phần lần 1 chưa đạt, đồng thời có điểm trung

bình học tập lần 1 (thang điểm 4) của Học kỳ I, năm học 2021-2022 từ các mức điểm sau đây trở lên:

DH K72: 3.84

BH-K12: 3.84

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I, năm học 2021-2022 đối với các sinh viên đại học được quy định như sau: Mức HBKKHT loại khá: 1.450.000đ/tháng; loại giỏi: 1.550.000đ/tháng; loại xuất sắc: 1.650.000đ/tháng.

Học bổng khuyến khích học tập được cấp 05 tháng cho 1 học kỳ. Học bổng KKHT học kỳ I, năm học 2021-2022 được cấp trước khi sinh viên tốt nghiệp.

Điều 3. Học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi theo Nghị định 28/CP của Chính phủ, nhận trợ cấp ưu đãi tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, diện trợ cấp xã hội, diện chính sách ưu đãi nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập thì được xét, cấp HBKKHT như những sinh viên khác.

Điều 4. Trưởng/phụ trách các phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế, Quản lý đào tạo, Tài chính kế toán và sinh viên các lớp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

KT. HIỆU TRƯỞNG

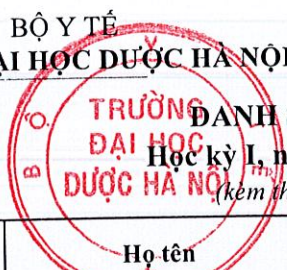
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Ban giám hiệu;
- Lưu: VT, HVSV-YT.



Đinh Thị Thanh Hải



DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Học kỳ I, năm học 2021-2022 - ĐHCQ khóa 72; ĐH VB2 khóa 12

(kèm theo Quyết định số 657/QĐ-DHN ngày 26 tháng 7 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)	Số tiền (đ)
1	1701014	Lương Thị Văn Anh	M1K72	3,89	0	85	Giỏi	1.550.000	7.750.000
2	1701025	Nguyễn Trịnh Quỳnh Anh	N1K72	3,92	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
3	1701081	Nguyễn Thị Diệu	M1K72	3,95	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
4	1701107	Vũ Thùy Dung	N1K72	3,88	0	98	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
5	1701115	Phạm Thùy Dương	N1K72	3,91	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
6	1701127	Lương Thị Hà	M1K72	3,84	0	90	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
7	1701153	Lê Thu Hằng	M1K72	3,95	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
8	1701157	Nguyễn Thị Hằng	M1K72	3,95	0	94	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
9	1701162	Nguyễn Thị Thu Hằng	M1K72	3,86	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
10	1701170	Nguyễn Thị Hạnh	M1K72	3,91	0	90	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
11	1701219	Nguyễn Thị Hồng	M1K72	3,93	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
12	1701238	Bùi Thị Mai Hương	M1K72	4,00	0	85	Giỏi	1.550.000	7.750.000
13	1701239	Đào Thị Hương	M1K72	3,91	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
14	1701273	Ngô Thị Huyền	M1K72	3,91	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
15	1701275	Nguyễn Thị Huyền	N1K72	3,91	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
16	1701294	Đỗ Thị Lan	M1K72	3,93	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
17	1701328	Nguyễn Thị Phương Linh	M1K72	3,89	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
18	1701339	Đỗ Phương Loan	M1K72	3,95	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
19	1701347	Bùi Thị Hiền Lương	M1K72	3,95	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
20	1701348	Trương Thị Kim Lương	M1K72	3,86	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
21	1701352	Trần Khánh Ly	M1K72	3,96	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
22	1701366	Nguyễn Hữu Mạnh	M1K72	4,00	0	100	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
23	1701381	Nguyễn Thị Trà My	M1K72	3,86	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
24	1701394	Nguyễn Thị Nga	M1K72	3,93	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
25	1701408	Trần Thị Ngân	M1K72	3,86	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
26	1701420	Trịnh Thị Minh Ngọc	N1K72	3,84	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
27	1701436	Nguyễn Tiến Nhật	M1K72	4,00	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
28	1701463	Lê Thu Phương	N1K72	3,95	0	94	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
29	1701475	Lê Vinh Quang	N1K72	3,95	0	93	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
30	1701478	Lê Thị Hồng Quỳ	M1K72	3,88	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
31	1701500	Nguyễn Thị Hồng Tam	N1K72	3,84	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
32	1701502	Hà Huy Thái	M1K72	3,93	0	98	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
33	1701539	Nguyễn Khắc Thiện	N1K72	3,88	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
34	1701546	Bùi Thị Thơm	M1K72	3,91	0	90	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
35	1701548	Ngô Giao Thông	M1K72	4,00	0	94	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
36	1701570	Tôn Thị Thúy	M1K72	3,88	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
37	1701574	Phạm Thị Minh Thùy	M1K72	4,00	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
38	1701583	Trần Thu Thủy	M1K72	3,88	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
39	1701610	Phạm Thị Thu Trang	M1K72	3,86	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
40	1701615	Phan Thị Minh Trang	M1K72	3,86	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
41	1701637	Đặng Ngọc Tuấn	M1K72	3,84	0	100	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
42	1701660	Ngô Thị Tú Uyên	N1K72	3,84	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
43	1701664	Đoàn Thị Hương Vân	N1K72	3,84	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
44	1701687	Ngô Thị Hải Yến	M1K72	3,84	0	85	Giỏi	1.550.000	7.750.000
Tổng									350.500.000

Danh sách có 44 sinh viên, sắp xếp theo Khóa, Mã SV.